

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST.

Ngày 06-03-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:

Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 06/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 21/02/2023 đối với bị cáo:

Phan Thị H, sinh năm 1975 tại Hà Nam; nơi ĐKTT, chỗ ở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Phúc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Lê Xuân H, sinh năm 1971 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/05/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội: “Đánh bạc”; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2023 đến ngày 25/11/2023, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/11/2023 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết với anh Trần Hữu T từ trước, ngày 01/11/2022 tại nơi ở của mình Phan Thị H đã cho anh Thắng vay số tiền 60.000.000đồng. H thống nhất với anh T tính lãi suất là 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày tương đương số tiền lãi một tháng anh T phải trả cho H là 5.400.000đồng, tiền lãi thanh toán vào tháng tiếp theo tính từ thời điểm vay, không cắt lãi trước, một tháng được tính tròn là 30 ngày, hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt. Sau đó

đến ngày 09/03/2023, H tiếp tục cho anh T vay số tiền 40.000.000đồng với lãi suất là 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày tương đương số tiền lãi một tháng anh T phải trả là 3.600.000đồng, thời điểm và hình thức trả lãi H và anh T thỏa thuận giống như lần vay trước. Sau khi vay tiền của H, hàng tháng anh T đã thanh toán trả tiền lãi các khoản vay bằng cách sử dụng số tài khoản 108868983833 mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBank) chuyển khoản tiền đến số tài khoản 48210000461974 của Phan Thị H mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), cụ thể:

- Đối với khoản vay 60.000.000đồng, anh T đã chuyển tiền lãi qua số tài khoản của H vào các ngày 01/12/2022, 01/01/2023, 01/02/2023, 02/03/2023, 04/04/2023, 03/05/2023, 08/7/2023, 03/8/2023, 05/9/2023 và ngày 10/10/2023 mỗi lần chuyển số tiền là 5.400.000đồng. Riêng ngày 12/6/2023 anh T đã chuyển số tiền là 6.000.000đồng trong đó có 600.000đồng để trả cho khoản vay số tiền 40.000.000đồng. Đến tháng 10/2023, anh T xin khát không còn trả lãi khoản vay này, tổng số tiền lãi H đã nhận của anh T khoản vay 60.000.000đồng là 59.400.000đồng. Đối chiếu mức lãi suất cho vay theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (cao nhất không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/9/2023 (330 ngày) thì H được phép thu số tiền lãi là: $(20\% : 365 \text{ ngày}) \times 60.000.000\text{đồng} \times 330 \text{ ngày} = 10.849.315\text{đồng}$. Số tiền H đã thu lợi bất chính từ khoản vay 60.000.000đồng là 48.550.685đồng.

- Đối với khoản vay 40.000.000đồng, anh T đã chuyển tiền lãi qua số tài khoản của H vào các ngày 16/04/2023, 15/05/2023, 17/7/2023, 15/8/2023, 12/9/2023 và ngày 18/10/2023 mỗi lần chuyển số tiền là 3.600.000đồng. Riêng ngày 13/6/2023, anh T chuyển cho H 3.000.000đồng do ngày 12/6/2023 anh T đã chuyển số tiền 600.000đồng cùng với tiền lãi hàng tháng của khoản vay 60.000.000đồng. Đến tháng 10/2023, anh T xin khát không còn tiếp tục trả lãi khoản vay này, tổng số tiền lãi H đã nhận của anh T khoản vay 40.000.000đồng là 25.200.000đồng, trong đó số tiền lãi H được phép thu theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính từ ngày 09/03/2023 đến ngày 09/10/2023 (210 ngày) là: $(20\% : 365 \text{ ngày}) \times 40.000.000\text{đồng} \times 210 \text{ ngày} = 4.602.739\text{đồng}$. Số tiền H đã thu lợi bất chính từ khoản vay 40.000.000đồng là 20.597.261đồng.

Như vậy, từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/11/2023, Phan Thị H đã cho anh Trần Hữu T vay số tiền tổng cộng là 100.000.000đồng, với lãi suất vay 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt gấp 5,475 lần mức cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lãi thực tế tổng cộng là 84.600.000đồng, trong đó số tiền lãi H được phép thu theo quy định của pháp luật là 15.452.054đồng, số tiền thu lợi bất chính là 69.147.946đồng.

Đối với số tiền 100.000.000đồng Phan Thị H đã dùng cho anh Trần Hữu T vay nhằm thu lợi bất chính, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do số tiền này anh Trần Hữu T vẫn đang quản lý nên Cơ quan điều tra yêu cầu anh T giao nộp để xử lý theo quy định nhưng anh T chưa giao nộp.

Đối với số tiền lãi 84.600.000đồng Phan Thị H đã nhận của anh Trần Hữu T, trong đó bao gồm số tiền 15.452.054đồng là số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ

luật Dân sự và 69.147.946đồng tiền thu lợi bất chính, Cơ quan điều tra yêu cầu Phan Thị H giao nộp để xử lý theo quy định nhưng bị cáo chưa giao nộp.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, lắp SIM có số thuê bao 0979.316.622.

Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-PL ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Phan Thị H về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm không thay đổi, bổ sung về nội dung đã truy tố đối với bị cáo Phan Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 35, 46, 47, 48 và 50 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Hình phạt chính: Phạt tiền bị cáo Phan Thị H từ 70.000.000đồng đến 90.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Truy thu số tiền 100.000.000đồng bị cáo đã sử dụng cho vay lãi nặng hiện do anh Trần Hữu T đang quản lý để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tối đa quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã chiếm hưởng là 15.452.054đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thị H trả lại cho anh Trần Hữu T khoản tiền thu lợi bất chính đã chiếm hưởng là 69.147.946đồng.

- Xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa như Quyết định khởi tố vụ án hình sự của Công an tỉnh

Hà Nam; biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử; sao kê tài khoản khách hàng cá nhân đã giao dịch của các Ngân hàng BIDV và VietinBank; bản tường trình, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu khác trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền để hưởng lãi, ngày 01/11/2022 tại nơi ở của mình tại tổ dân phố T, phường T, thành phố Phủ Lý, Phan Thị H đã cho anh Trần Hữu T vay số tiền 60.000.000đồng, sau đó đến ngày 09/03/2023 H tiếp tục cho anh T vay số tiền 40.000.000đồng, tổng cộng là 100.000.000đồng với lãi suất vay 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi H đã thu được là 84.600.000đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 69.147.946đồng. Hành vi của bị cáo Phan Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bản thân đã từng bị kết án về tội: “Đánh bạc” (đã được xóa án tích).

4.2. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

5.1. Hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quản lý tiền tệ, gây mất an toàn trật tự công cộng. Bằng việc kinh doanh tiền tệ bất hợp pháp thông qua hình thức cho vay lãi nặng, bị cáo đã lợi dụng việc người vay cần vay tiền ép họ phải chịu lãi suất cao để trục lợi, gây thiệt hại về vật chất cho người vay và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo mặc dù đã nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận, động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi đó. Trong khi nạn tín dụng đen đang lan rộng, trở thành vấn đề đáng quan tâm lo ngại, các tổ chức cá nhân hoạt động cho vay tín dụng đen ngày càng công khai, thách thức pháp luật gây ra nhiều hệ lụy khôn lường cho xã hội, công tác đấu tranh, ngăn chặn đối với loại tội phạm này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc thì việc xử phạt nghiêm minh, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cần thiết. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội mức độ ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có tài sản đảm bảo thi hành án nên việc áp dụng hình phạt tiền sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo là phù hợp, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

5.2. Hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, bản thân là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 32 và khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về truy thu số tiền bị cáo đã sử dụng để cho vay lãi nặng và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự:

6.1. Đối với khoản tiền bị cáo Phan Thị H đã sử dụng cho anh Trần Hữu T vay tổng cộng 100.000.000đồng, quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo. Do số tiền này được bị cáo sử dụng làm phương tiện để phạm tội và anh T vẫn đang quản lý, chưa giao nộp lại để xử lý nên sẽ buộc anh T giao nộp lại số tiền này để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

6.2. Đối với số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự bị cáo đã hưởng lợi từ việc cho anh Trần Hữu T vay tiền lãi nặng các lần với số tiền tổng cộng là 15.452.054đồng. Do đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cần buộc bị cáo giao nộp lại để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho người vay. Quá trình điều tra anh Trần Hữu T đã yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính và bị cáo chưa giao nộp lại số tiền đã chiếm đoạt này để xử lý. Vì vậy, sẽ buộc bị cáo phải trả lại cho anh T số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã chiếm đoạt là 69.147.946đồng.

[8] Về xử lý vật chứng đã thu giữ: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max có lắp SIM số thuê bao 0979.316.622 (được niêm phong trong phong bì dán kín), do quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, được bị cáo sử dụng làm công cụ để phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 35, Điều 47, Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Phạt tiền bị cáo Phan Thị H 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý đối với tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

2.1. Truy thu số tiền bị cáo Phan Thị H đã sử dụng để cho vay lãi nặng là 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*) hiện do anh Trần Hữu T đang quản lý. Buộc anh Trần Hữu T phải giao nộp lại số tiền này để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Truy thu khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã chiếm hưởng là 15.452.054đồng, (*Mười lăm triệu bốn*

trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng). Buộc bị cáo Phan Thị H phải giao nộp lại số tiền này để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thị H phải trả lại cho anh Trần Hữu T khoản tiền thu lợi bất chính là 69.147.946 đồng (*Sáu mươi chín triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng*). Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bị cáo chậm thanh toán khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, số IMEI1: 352855110736239, số IMEI2: 352855110511558, lắp SIM có số thuê bao 0979.316.622 (máy đã qua sử dụng) được niêm phong trong phong bì màu trắng dán kín các mép. Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 21/02/2024.

5. Án phí: Buộc bị cáo Phan Thị H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.457.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Bị cáo Phan Thị H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn